TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **681**/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 23 – 6 – 2023
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh;

Bà Ngô Thị Kim Khánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2023/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H bị ông Trần Chiến T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1897/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6596/2023/QĐHPT – HNGĐPT ngày 26/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đậu Như T, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Số 01A đường SS, Phường Y, quận TB, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đậu Như T: Ông Trần Bảo Q – Luật sư Văn phòng Luật sư Anh Quốc SG.

- *Bị đơn*: Ông Trần Chiến T, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Số 11/45 đường NVM, Phường Z, quận TB, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Chiến T: Bà Nguyễn Thị Ngọc D – Luật sư Văn phòng Luật sư TĐH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, bà Đậu Như T trình bày:

Bà Đậu Như T và ông Trần Chiến T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận PN, Thành phố H vào năm 2008. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại nhà số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H. Trong thời gian chung sống, ông bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Cụ thể, bà T cho rằng ông T không chung thủy trong hôn nhân, bỏ bê và không quan tâm đến vợ con, ông T còn chung sống công khai với người phụ nữ khác. Ông T thường tìm cớ để chửi mắng và hành hung bà T. Từ tháng 11 năm 2021, bà T và ông T bắt đầu sống ly thân cho đến nay. Sau thời gian suy nghĩ về cuộc hôn nhân, bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống nên quyết định nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T trình bày trong quá trình chung sống với ông T có 02 (hai) con chung là Trần Ánh Kim N, sinh ngày 30/10/2008 và Trần Gia H, sinh ngày 21/01/2020. Bà T xác định các con do bà T chủ yếu chăm sóc, nuôi dạy và bà T hoàn toàn có đủ điều kiện kinh tế và thời gian để nuôi dưỡng nên yêu cầu Tòa án chấp nhận giao cho bà T trực tiếp nuôi con chung mà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày yêu cầu được tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn ông Trần Chiến T trình bày:

Ông Trần Chiến T và bà Đậu Như T chung sống có đăng ký kết hôn như bà T trình bày tại Tòa án. Ông T cũng cho rằng thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là do bà T nghi ngờ ông T chung sống với người phụ nữ khác. Ông T không đồng ý ly hôn vì ông T không chung sống với ai khác, ông T có ở lại Công ty nơi làm việc cùng nhân viên, các mối quan hệ khác là quan hệ trong công việc. Ông T làm việc để có điều kiện chăm sóc gia đình, không bia rượu bê tha và chửi bới vợ con. Ông T mong muốn các con sống đầy đủ cha, mẹ và hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn. Nhưng trường hợp bà T quyết định ly hôn, ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 hai con chung là Trần Ánh Kim N và Trần Gia H, không yêu cầu cấp dưỡng; Tài sản chung và nợ chung: Yêu cầu chia đôi theo quy định pháp luật tài sản bao gồm: Một xe ô tô hiệu CX5, 01 xe máy hiệu SH, 01 xe máy hiệu Piagio.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H đã nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường K, quận PN, Thành phố H cấp cho ông Trần Chiến T và bà Đậu Như T và căn cứ vào lời trình bày của bà T và ông T thì quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và lời trình bày của bà T trong quá trình giải quyết vụ án, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tòa án đã mời ông, bà đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, bà T vẫn xác định tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, ông T không chung thủy nên tình cảm vợ chồng không còn, bà muốn ổn định cuộc sống để nuôi dạy con chung nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T; Về phía ông T, tuy ông cho rằng sự nghi ngờ của bà T về việc ông không chung thủy là không có căn cứ nhưng ông không có hành động thể hiện sự hàn gắn, xóa bỏ nghi ngờ mà mặc nhiên chấp nhận tình trạng hôn nhân lâm vào bế tắc sau một thời gian dài sống ly thân.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"

Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà T và ông T không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng khi đôi bên không còn sự tin tưởng, chia sẻ, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà T là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh của con chung, trẻ tên Trần Gia H, sinh ngày 21/01/2020 chưa đủ 36 tháng tuổi; Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như sau: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*"; Căn cứ vào khả năng, điều kiện nuôi dưỡng của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy bà T là người trực tiếp chăm sóc con từ khi sinh ra, bà có công việc và nơi cư trú ổn định nên yêu cầu của bà T được nuôi dưỡng con chung tên Trần Gia H là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với con chung tên Trần Ánh Kim N, sinh ngày 30/10/2008, tại biên bản ghi nhận ý kiến đối với trẻ khi cha mẹ ly hôn, trẻ có nguyện vọng được ở với mẹ, phù hợp với nguyện vọng và yêu cầu của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao trẻ N, giới tính nữ, cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có nhiều thuận lợi và phù hợp khi trẻ đang trong giai đoạn phát triển về thể chất lẫn tinh thần, đồng thời bà có đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu của bà được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N có cơ sở để chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị đơn ông Trần Chiến T, ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng sự nghi ngờ của bà T về việc ông không chung thủy là không có căn cứ; Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy ông không có hành động nào thể hiện thiện chí xóa bỏ nghi ngờ, hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, bế tắc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay và không thể đoàn tụ được nữa. Về con chung: Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Như đã phân tích, hai con chung từ khi sinh ra do bà T trực tiếp chăm sóc, xét về toàn diện thì việc giao con cho bà T là phù hợp với lợi ích của trẻ, và phù hợp với pháp luật. Về tài sản chung: Tuy ông trình bày sẽ có đơn yêu cầu giải quyết nhưng cho đến nay Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào liên quan đến tranh chấp tài sản chung, cũng như các tài liệu liên quan nên không có cơ sở để xem xét trong vụ án này, ông T được quyền khởi kiện trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đậu Như T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đậu Như T được ly hôn với ông Trần Chiến T.

- Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung tên Trần Ánh Kim N, sinh ngày 30/10/2008 và Trần Gia H, sinh ngày 21/01/2020 cho bà Đậu Như T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông Trần Chiến T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có căn cứ ông T và bà T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà Đậu Như T tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/02/2023, ông Trần Chiến T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H vì ông Trần Chiến T không nhận biết được ngày giờ xét xử sơ thẩm, việc xét xử vắng mặt ông Trần Chiến T là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Chiến T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Đậu Như T yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Chiến T trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác minh biết ông Trần Chiến T không còn cư trú tại địa chỉ số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H; các lần triệu tập ông Trần Chiến T đến Tòa án cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cấp sơ thẩm có triệu tập, thông báo cho ông Trần Chiến T tại địa chỉ số 11/45 đường NVM, Phường Z, quận TB, Thành phố H nơi ông Trần Chiến T đang cư trú, ông Trần Chiến T đều nhận được và đến Tòa án. Tuy nhiên khi xét xử, cấp sơ thẩm chỉ niêm yết, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết

định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập ông Trần Chiến T tại địa chỉ số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H là nơi ông Trần Chiến T không còn cư trú, ông Trần Chiến T không nhận biết. Song song đó, tại đơn khởi kiện bà Đậu Như T đã cung cấp nơi cư trú của ông Trần Chiến T tại địa chỉ số 11/45 đường NVM, Phường Z, quận TB, Thành phố H. Căn cứ Điều 70, Điều 72, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của ông Trần Chiến T. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đậu Như T trình bày:

Về đơn kháng cáo của ông Trần Chiến T ngày 02/02/2023:

Nội dung đơn ông Trần Chiến T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, xét thấy không có căn cứ bởi lẽ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đã ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay, các con chung do bà Đậu Như T trực tiếp nuôi dưỡng tốt, bà Đậu Như T có thu nhập ổn định, được gia đình hỗ trợ để nuôi con, con trên 07 tuổi có nguyện vọng được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Chiến T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm: Ông Trần Chiến T cung cấp địa chỉ nơi cư trú là số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H, khi Tòa án tống đạt văn bản tố tụng ông Trần Chiến T ký nhận không có ý kiến gì. Ông Trần Chiến T thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Tòa án biết. Căn cứ Khoản 3 Điều 70, Khoản 3 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự; Cấp sơ thẩm đã thực hiện niêm yết văn bản tố tụng cho ông Trần Chiến T tại địa chỉ số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H là đúng thủ tục tố tụng.

Về bản khai trình bày của ông Trần Chiến T không ghi ngày tháng năm, sau khi cấp phúc thẩm thụ lý: Nội dung ông Trần Chiến T yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng, xét thấy không có căn cứ bởi lẽ yêu cầu này vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu ngày 02/02/2023, vượt quá thời hạn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Chiến T đối đáp tranh luận: Tại đơn kháng cáo ngày 02/02/2023 ông Trần Chiến T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, trong đó có trình bày cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, bản khai của ông Trần Chiến T tại cấp phúc thẩm nhằm làm rõ nội dung kháng cáo ngày 02/02/2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đậu Như T đối đáp tranh luận: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày, đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của ông Trần Chiến T:

Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm: Tại Công văn số 658/UBND ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận BT, Thành phố H cung cấp thông tin: Ủy ban nhân dân Phường X đã phối hợp với Công an Phường X để xác minh, kết quả bà Đậu Như T, ông Trần Chiến T không còn cư trú tại số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành

phố H. Như vậy, ông Trần Chiến T không còn cư trú tại số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H.

Căn cứ Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trần Chiến T phải thực hiện tại hai địa chỉ số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H và số 11/45 đường NVM, Phường Z, quận TB, Thành phố H.

Quá trình thực hiện tố tụng, cấp sơ thẩm có tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập bị đơn ông Trần Chiến T tại 02 địa chỉ nêu trên.

Tuy nhiên, thời điểm đưa vụ án ra xét xử, cấp sơ thẩm chỉ niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập ông Trần Chiến T tại địa chỉ thứ nhất số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H là nơi ông Trần Chiến T không còn cư trú; không tống đạt, niêm yết cho ông Trần Chiến T tại địa chỉ thứ hai số 11/45 đường NVM, Phường Z, quận TB, Thành phố H là nơi ông Trần Chiến T đang cư trú; Là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Chiến T.

Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Chiến T; Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Trần Chiến T; Hủy Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trần Chiến T làm trong hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Chiến T và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại đơn khởi kiện của bà Đậu Như T cung cấp địa chỉ của bị đơn ông Trần Chiến T có 02 địa chỉ:

- Địa chỉ thứ nhất: Số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H.

- Địa chỉ thứ hai: Số 11/45 đường NVM, Phường Z, quận TB, Thành phố H.

Tại Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H cũng thể hiện bị đơn ông Trần Chiến T có 02 địa chỉ:

- Địa chỉ thứ nhất: Số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H.

- Địa chỉ thứ hai: Số 11/45 đường NVM, Phường Z, quận TB, Thành phố H.

Tại Bản án sơ thẩm cũng thể hiện bị đơn ông Trần Chiến T có 02 địa chỉ:

- Địa chỉ thứ nhất: Số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H.

- Địa chỉ thứ hai: Số 11/45 đường NVM, Phường Z, quận TB, Thành phố H.

Tại Công văn số 658/UBND ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận BT, Thành phố H cung cấp thông tin: Ủy ban nhân dân Phường X đã phối hợp với Công an Phường X để xác minh, kết quả bà Đậu Như T, ông Trần Chiến T không còn cư trú tại số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H.

Căn cứ Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trần Chiến T phải thực hiện tại hai địa chỉ nêu trên.

Quá trình thực hiện tố tụng, cấp sơ thẩm có tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập bị đơn ông Trần Chiến T tại 02 địa chỉ nêu trên.

Tuy nhiên, thời điểm đưa vụ án ra xét xử, cấp sơ thẩm chỉ niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập ông Trần Chiến T tại địa chỉ thứ nhất số 120/3/11 đường T, Phường X, quận BT, Thành phố H là nơi ông Trần Chiến T không còn cư trú; không tống đạt, niêm yết cho ông Trần Chiến T tại địa chỉ thứ hai số 11/45 đường NVM, Phường Z, quận TB, Thành phố H là nơi ông Trần Chiến T đang cư trú, nên ông Trần Chiến T không nhận biết việc xét xử của Tòa án; Là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Chiến T.

Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Chiến T, chấp nhận kháng cáo của ông Trần Chiến T; Hủy Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Khi thụ lý, giải quyết lại, cấp sơ thẩm lưu ý về thẩm quyền vì hiện nay ông Trần Chiến T không còn cư trú tại quận BT, Thành phố H.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Trần Chiến T tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Xét ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đậu Như T tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy không có cơ sở nên không chấp nhận.

Xét ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Chiến T tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 70, Điều 72, Khoản 3 Điều 148, Điều 177, Điều 179, Điều 228, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 3 Điều 308, Điều 310, Khoản 2 Điều 312, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

II. Xử lý tiền tạm ứng án phí của các đương sự:

- Số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đậu Như T nộp theo biên lai thu số 0049895 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố H sẽ được xử lý khi vụ án được thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) cho ông Trần Chiến T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019317 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận BT, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND quận BT, TP.H;
- Chi cục THADS quận BT, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức